TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/DS-PT
Ngày 22/10/2019
"*V/v tranh chấp quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất và QSDĐ*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thông;
Các Thẩm phán: Ông K'Tiêng;
Ông Phạm Văn Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trừ Minh Quốc – Là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2019/TL-DSPT ngày 30 tháng 7 năm 2019 về *"Tranh chấp quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất và quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2019/DS-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 77/2019/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2019. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Quang T; Địa chỉ: Số nhà 27 T, phường E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Anh Nguyễn Quang T1; Địa chỉ: Số nhà 111 H, tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Chị Nguyễn Thị Dạ L; Địa chỉ: Số nhà 179 N, tổ dân phố 8, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị L1; Địa chỉ: Số 57 B, xã E, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Hồng T2; Địa chỉ: Tổ 2, phường H, quận T, Tp. Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

Anh Nguyễn Quang T3; Địa chỉ: Hẻm số 43 T, phường T, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Anh Nguyễn Quang T4 (đã chết ngày 16/9/2019).

Anh Nguyễn Thái A; Địa chỉ: Số nhà 111 H, tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Chị Nguyễn Thị Mỹ N; Địa chỉ: Số nhà 111 H, tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

- *Người đại diện theo ủy quyền của các Nguyên đơn anh Nguyễn Quang T, Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị Hồng T2, Nguyễn Thái A, Nguyễn Thị Mỹ N và Nguyễn Thị Dạ L là* anh Nguyễn Quang T1.

Địa chỉ: Số nhà 111 H, tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của anh Nguyễn Quang T4: Bà Trần Thị N1 (mẹ anh T4).

Địa chỉ: Số nhà 111 H, tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị N1; Địa chỉ: Số nhà 111 H, tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Anh Nguyễn Tiến D; Địa chỉ: Số nhà 179 N, tổ dân phố 8, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Quang T5; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị D1; Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: Số 18, Trần Hữu D, quận T, Tp. Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Châu L - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng No & PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Người được ủy quyền tham gia tố tố tụng: Ông Phan Hoàng G - Chức danh: Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh chi nhánh Ngân hàng No & PTNT Việt Nam – Chi nhánh huyện C, tỉnh Đắk Nông (Theo giấy uỷ quyền ngày 17/8/2018 - BL số 418) - Có mặt.

Anh Hà Công T6; Địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Chị Nguyễn Thị Dạ L; Địa chỉ: Số nhà 179 Nguyễn Tất Thành, tổ dân phố 8, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị Hồng T7 - Chức vụ: Trưởng phòng Công chứng số 2 tỉnh Đắk Nông – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Trụ sở: Thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị M - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đắk Nông.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Bùi Thế V – Chức vụ: Cán bộ Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đắk Nông (Theo giấy uỷ quyền ngày 03/01/2019 – BL số 296) - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Anh Nguyễn Quang T, anh Nguyễn Quang T1, anh Nguyễn Quang T3, anh Nguyễn Quang T4, anh Nguyễn Thái A, chị Nguyễn Thị L1, chị Nguyễn Thị Hồng T2, chị Nguyễn Thị Mỹ N, chị Nguyễn Thị Dạ L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị D1, anh Nguyễn Quang T5 và anh Nguyễn Tiến D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/6/2018 của đồng nguyên đơn và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Quang T1 trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số thửa đất số 338, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.920m^2 là do cha mẹ của đồng nguyên đơn là ông Nguyễn Xuân T8, bà Trần Thị N1 nhận chuyển nhượng của ông Đặng Quốc N2 vào khoảng năm 1990 (ông N2 nay đã chết). Thời điểm nhận chuyển nhượng trên đất có căn nhà tranh, đến năm 1993 tháo dỡ nhà tranh để làm lại 02 căn nhà gỗ, đào giếng, trồng cà phê và một số cây ăn quả. Năm 1997 xây lò sấy cà phê diện tích khoảng 30m^2 và làm sân xi măng khoảng 150m^2. Năm 2003 tháo dỡ nhà gỗ làm lại nhà xây diện tích khoảng 100m^2 và 01 nhà gỗ khoảng 50m^2, xây hàng rào, làm cổng. Ngày 22/5/2005, được UBND huyện C cấp cấp GCNQSDĐ mang tên hộ ông Nguyễn Xuân T8.

Ngày 24/8/2010, ông Nguyễn Xuân T8 làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất đất 338 cho bà Trần Thị N1 được Văn phòng Công chứng số 02 tỉnh Đăk Nông chứng thực. Tại thời điểm làm hợp đồng thì ông T8 bị bệnh tai biến, sống thực vật không có khả năng nhận thức, anh em trong gia đình không biết được việc ông T8 tặng cho bà N1 tài sản, đến ngày 29/9/2913, ông T8 chết. Do đó, đồng nguyên đơn yêu cầu tòa án giải quyết: Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T8 và bà N1, yêu cầu bà N1 trả lại cho đồng nguyên đơn ½ diện tích đất và ½ quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà N1 trả lại toàn bộ diện tích đất 1.920m^2 và ½ quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất.

Bị đơn bà Trần Thị N1 trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 338, tờ bản đồ số 8, diện tích đất 1.920m^2 và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất là do ông Nguyễn Xuân T8, bà Trần Thị N1 nhận chuyển nhượng của ông Đặng Quốc N2 vào khoảng năm 1991-1993 (ông N2 nay đã chết). Thời điểm nhận chuyển nhượng chưa có giấy chứng nhận, đến ngày 22/5/2005, được UBND huyện C cấp giấy CNQSD đất số AB 150135, thửa đất số 338, tờ bản đồ số 8, diện tích đất 1.920m^2, đứng tện hộ ông Nguyễn Xuân T8.

Ngày 10/10/2008, bà N1 có viết giấy tay sang nhượng cho ông Nguyễn Tiến D (con rễ) diện tích đất 10m x 50m, trên đất có 01 nhà, lò sấy cà phê và một số cây ăn quả để lấy tiền chữa bệnh cho ông T8.

Ngày 24/8/2010, ông Nguyễn Xuân T8 làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đối với thửa đất đất 338 cho bà Trần Thị N1 được Văn phòng Công chứng số 02 tỉnh Đăk Nông chứng thực, lúc đó ông T8 bị bệnh tai biến, sống thực vật, nên Công chứng viên đã đến nhà bà chứng thực và ông T8 điểm chỉ vào hợp đồng, có con trai là Nguyễn Quang T5 và con gái là Nguyễn Thị D1 ký làm chứng. Thủ tục tặng cho đã hoàn tất, bà N1 được UBND huyện C cấp giấy CNQSD đất.

Ngày 26/12/2012, bà N1 đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất cho N hàng Agibank chi nhánh huyện C để vay 01 tỷ đồng, vay hộ cho em trai là Trần Duy Đ, vợ là bà Vũ Thị Thanh N3 (Hiện nay ông Đ, bà N3 đi đâu bà N1 không biết địa chỉ). Khi vay có làm hợp đồng thế chấp và Công chứng chứng thực, thời hạn trả nợ ngày 24/02/2013. Do không trả được nợ, nên Ngân hàng đã khởi kiện ra Toà và được giải quyết bằng quyết định số 04/2015/QĐST-KDTM ngày 10/6/2015. Đến hạn trả nợ bà vẫn không trả được, nên N hàng đã phát mãi tài sản. Nay bà thấy rằng việc ông T8 và bà làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất mà không có ý kiến của các con là không đúng, nên các con khởi kiện yêu cầu trả lại đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất là đúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- *Anh Nguyễn Tiến D trình bày:* Năm 2008, bà Trần Thị N1 có chuyển nhượng cho anh diện tích 500m^2 (10m x 50m), hai bên có viết giấy tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương, giá chuyển nhượng là 150.000.000 đồng, anh đã giao tiền và bà N1 có nghĩa vụ tách thửa làm thủ tục sang tên cho anh. Nay anh được biết bà N1 đã thế chấp toàn bộ thửa đất cho Ngân hàng Agibank chi nhánh huyện C trong đó có phần đất đã chuyển nhượng cho anh, hiện nay bị Chi cục Thi hành án huyện C bán đấu giá. Do đó, anh D khởi kiện yêu cầu hủy một phần kết quả đấu giá tài sản và yêu cầu bà N1 trả lại cho anh diện tích đất 500m^2 (10m x 50m) thuộc thửa đất số 338, tờ bản đồ số 8, diện tích đất 1.920m^2.

- *Chị Nguyễn Thị Dạ L (vợ anh D):* Thống nhất với ý kiến trình bày của anh D, yêu cầu bà N1 trả lại đất cho anh D.

- *Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng No & PTNT Việt Nam - Chi nhánh C, tỉnh Đắk Nông trình bày:* Ngày 25/12/2012, bà Trần Thị N1 có vay của Ngân hàng No & PTNT Việt Nam - Chi nhánh huyện C, tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) số tiền 1.000.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-2012001507/HĐTD, mục đích vay kinh doanh nông sản, thời hạn trả nợ ngày 24/12/2013. Khi vay bà N1 có đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của thửa đất số 338, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.920m^2 tọa lạc tại thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông, GCNQSDĐ số 867080 do UBND huyện C cấp ngày 22/9/2010 mang tên bà Trần Thị N1 theo hợp đồng thế chấp số 245124129

ngày 25/12/2012 và được công chứng tại phòng Công chứng số 2 tỉnh Đắk Nông đúng theo quy định của pháp luật.

Đến hạn trả nợ, Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà N1 trả nợ nhưng vẫn không trả. Ngày 19/12/2014, Ngân hàng khởi kiện đối với bà N1 ra tòa án, yêu cầu bà N1 phải trả nợ cho N hàng tổng cộng cả gốc và lãi là 1.330.699.000đ và lãi suất phát sinh, đã được Tòa án nhân dân huyện C giải quyết bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 04/2015/QĐST-KDTM, ngày 10/6/2015. Theo quyết định thì bà N1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 1.481.983.667 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng tính từ ngày 03/6/2015.

Do bà N1 không trả nợ đúng thời hạn như sự thỏa thuận, nên N hàng đã làm đơn gửi Chi cục Thi hành án dân sự huyện C để yêu cầu thi hành quyết định số 04/2015/QĐST-KDTM ngày 10/6/2015, của Tòa án nhân dân huyện C. Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đã yêu cầu bà N1 trả nợ cho Ngân hàng nhưng vẫn không trả. Do đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, sau nhiều lần thông báo, giảm giá tài sản, đến ngày 05/4/2017, Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đắk Nông bán đấu giá thành công cho người trúng đấu giá là anh Hà Công T6 - Địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn E, huyện C với số tiền 1.586.000.000đ.

Ngày 11/7/2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C ra quyết định số 11/QĐ-CCTHADS về việc cưỡng chế tài sản giao cho người trúng đấu giá. Sau nhiều lần động viên bà N1 tự giao tài sản nhưng bà N1 vẫn không thi hành. Sau đó các con của bà N1 đã khởi kiện tranh chấp liên quan đến tài sản bà N1 đã thế chấp và Toà án đang thụ lý giải quyết, nên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C không thể bàn giao tài sản cho anh Hà Công T6 là người mua trúng đấu giá tài sản. Đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người mua trúng tài sản đấu giá.

- *Anh Hà Công T6 trình bày:* Anh là người mua trúng đấu giá thửa đất số 338, tờ bản đồ số 08 và tài sản gắn liền với đất diện tích 1.920m^2 với giá 1.586.000.000đ đồng, theo hợp đồng mua bán tài sản đấu giá số 15/HĐMB ngày 05/4/2017 do Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh Đắk Nông. Sau khi mua trúng đấu giá anh đã T8 toán đủ tiền, nhưng từ đó đến nay vẫn chưa được bàn giao nhà với lý do các con của bà N1 khởi kiện tranh chấp về quyền tài sản đối với thửa đất và tài sản bán đấu giá. Anh xác định việc anh mua tài sản đấu giá đảm bảo đúng theo quy định của pháp luậ, nên được pháp luật bảo vệ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 103 Luật Thi hành án dân sự năm 2014 và khoản 3 Điều 27 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 17/8/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014. Do đó, đề nghị Toà án xem xét giải quyết để anh sớm được nhận bàn giao nhà.

- *Tại văn bản ngày 21/01/2019 của Phòng Công chứng số 2 tỉnh Đắk Nông, bà Vũ Thị Hồng T7 là đại diện theo pháp luật trình bày:*

Ngày 24/8/2010, phòng Công chứng số 2 tỉnh Đắk Nông nhận được hồ sơ yêu cầu công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Xuân

T8 và bà Trần Thị N1 (Có hồ sơ công chứng lưu hồ sơ vụ án). Sau khi nhận hồ sơ yêu cầu công chứng, Công chứng viên xác định: Thành phần hồ sơ đã đáp ứng yêu cầu công chứng, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Tài sản thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Xuân T8, bà Trần Thị N1 và không có tranh chấp, quyền sử dụng đất được cấp cho ông Nguyễn Xuân T8 là tài sản chung của vợ chồng ông T8, bà N1. Vì vậy chủ thể tham gia giao kết hợp đồng được xác định chỉ có ông T8 và bà N1.

Căn cứ Luật Công chứng, Bộ luật Dân sự, Luật đất đai, Luật hôn nhân và gia đình và các văn bản khác có liên quan, Công chứng viên tiến hành thủ tục công chứng hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa bên tặng cho là ông Nguyễn Xuân T8 và bên được tặng cho là bà Trần Thị N1.

Tại thời điểm giao kết và lập hợp đồng tặng cho, do ông T8 đang bị đau ốm, không thể đi lại được nên yêu cầu Công chứng viên đến nhà riêng để lấy chữ ký hoặc điểm chỉ đồng thời yêu cầu bà N1 mời người làm chứng nhằm đảm bảo tính khách quan, minh bạch trong việc giao kết hợp đồng. Bà N1 đã mời anh Nguyễn Quang T5 và chị Nguyễn Thị D1 đến để chứng kiến việc ông Nguyễn Xuân T8 đã nghe Công chứng viên giải thích hợp đồng, ông T8 đã đồng ý toàn bộ nội D1 ghi trong hợp đồng và điểm chỉ vào hợp đồng trước sự có mặt của Công chứng viên và người làm chứng, hai người làm chứng đã cùng ký tên vào hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Xuân T8 và bà Trần Thị N1.

Sau khi hoàn tất các thủ tục về việc ký kết, Công chứng viên tiến hành hoàn tất hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông T8 và bà N1, số công chứng: 1845A, quyển số 03TP/CC-SCC/HĐGD ngày 24/8/2010 do Công chứng viên Vũ Thị Hồng T7 công chứng. Việc phòng Công chứng số 2 tỉnh Đắk Nông công chứng hợp đồng tặng cho giữa ông Nguyễn Xuân T8 và bà Trần Thị N1 đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, các nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Xuân T8 và bà Trần Thị N1 xác lập ngày 24/8/2010 là không có căn cứ.

- Anh Bùi Thế V người đại diện theo ủy quyền của Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đắk Nông trình bày:

Năm 2016 - 2017, Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đắk Nông ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với Chi cục Thi hành án dân sự huyện C về việc bán đấu giá tài sản là 1.920m^2 đất và tài sản gắn liền với đất của bà Trần Thị N1 để đảm thi hành án, tài sản có giá khởi điểm là 1.838.010.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng Trung tâm đã thực hiện việc niêm yết bán đấu giá tài sản theo đúng quy định của pháp luật nhưng không có khách hàng mua.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đã quyết định giảm giá tài sản đến lần thứ ba thì trung tâm bán đấu giá tài sản tỉnh Đắk Nông mới bán được tài sản, người trúng đấu giá là anh Hà Công T6 với giá 1.586.000.000 đồng, ông T6 đã nộp đủ tiền vào tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo đúng hợp đồng, nhưng hiện nay vẫn chưa nhận được tài sản, do có tranh chấp về tài sản bán đấu giá. Về trình tự, thủ tục qua các lần bán đấu giá tài sản đều đảm bảo đúng

theo quy định của pháp luật, nên anh D yêu cầu hủy một phần kết quả bán đấu giá là không có căn cứ.

- *Chị Nguyễn Thị D1 trình bày:* Chị D1 là con của ông Nguyễn Xuân T8 và bà Trần Thị N1, diện tích đất trên ông T8, bà N1 nhận chuyển nhượng của ông N2. Ngày 24/8/2010, ông T8 làm hợp đồng tặng bà N1 quyền sử dụng đất, được Công chứng viên – của phòng Công chứng số 2 tỉnh Đắk Nông đến nhà ông T8 thực hiện việc công chứng. tại thời điểm công chứng ông T8 bị bệnh, sống thực vật không biết gì, chị D1 là người làm chứng ký vào hợp đồng, anh T5 ký khi nào thì chị không biết. Tại phiên tòa chị yêu cầu bà N1 trả lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo như các nguyên đơn đã khởi kiện.

Tại bản án số: 04/2019/DS-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia ½ quyền sở hữu tài sản gắn liền trên đất và quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 338, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.920m^2 tọa lạc tại tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

2. Không chấp nhận yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập tranh chấp quyền sử dụng diện tích 500m^2 đất thuộc thửa đất số 338, tờ bản đồ số 8, trong phần diện tích 1.920m^2, tọa lạc tại tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Đình chỉ vụ án, trả lại đơn kiện về yêu cầu hủy một phần kết quả bán đấu giá tài sản cho anh Nguyễn Tiến D.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27/5/2019, đồng nguyên đơn anh Nguyễn Quang T, Nguyễn Quang T1, Nguyễn Quang T3, Nguyễn Quang T4, Nguyễn Thái A, chị Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị Hồng T2, Nguyễn Thị Mỹ N, Nguyễn Thị Dạ L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị D1, anh Nguyễn Quang T5 và anh Nguyễn Tiến D kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thu thập, xác minh chứng cứ, không T5 tập người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết toàn diện vụ án, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số: 04/2019/DS-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện C.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của anh Nguyễn Quang T4 là bà Trần Thị N1; nguyên đơn anh Nguyễn Quang T3; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quang T5, chị Nguyễn Thị D1; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập anh Nguyễn Tiến D đều đã được Toà án T5 tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông phát biểu ý kiến: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự tại Toà án cấp phúc thẩm.

Về nội D1: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa , đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, không chấp nhận kháng cáo của những người kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 04/2019/DS-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C.

Đối với bà Trần Thị N1 (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Nguyễn Quang T4), anh Nguyễn Tiến D, anh Nguyễn Quang T3, anh Nguyễn Quang T5 và chị Nguyễn Thị D1 đã được Toà án T5 tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì bị coi như từ bỏ việc kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Tiến D, anh Nguyễn Quang T4, anh Nguyễn Quang T3, anh Nguyễn Quang T5 và chị Nguyễn Thị D1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của những người kháng cáo, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Đối với yêu cầu kháng cáo của đồng nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1]. Về nguồn gốc thửa đất số 338, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.920m^2 hiện nay đang tranh chấp là do ông Nguyễn Xuân T8 và bà Trần Thị N1 nhận chuyển nhượng của ông Đặng Quốc N2 (nay đã chết) từ năm 1993. Ngày 15/12/2000, ông Nguyễn Xuân T8 làm tờ khai xác định mốc thời gian sử dụng đất từ ngày 08/6/1993 (BL357). Cùng ngày 15/12/2000, ông T8 làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, chủ hộ là ông Nguyễn Xuân T8 vợ là bà Trần Thị N1, thửa đất số 338, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.920m^2, nguồn gốc sang nhượng năm 1993, ngoài ra ông còn kê khai một số thửa đất khác. Ngày 22/02/2005, được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 150135, thửa đất số 338, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.920m^2, đứng tên ông Nguyễn Xuân T8 (BL 352, 353).

[1.2]. Ngày 24/8/2010, ông Nguyễn Xuân T8, bà Trần Thị N1 lập Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, theo hợp đồng thì ông T8 tặng cho bà N1 thửa đất số 338, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.920m^2. Thời điểm làm hợp đồng tặng cho tài sản ông Nguyễn Xuân T8 là người đứng tên trong giấy chứng nhận, đất không có tranh chấp và đang còn thời hạn sử dụng. Nguồn gốc đất do ông T8, bà N1 nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân, nên xác định đây là tài sản chung của vợ chồng và vợ chồng có quyền, nghĩa vụ N3ng nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung. Do đó, ông T8, bà N1 đã tự thoả thuận lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, theo đó ông T8 đã giao tài sản của mình và chuyển quyền sở hữu cho bà Nguyêt, hợp đồng được lập thành văn bản, có công chứng chứng thực và đã đăng ký quyền sở hữu sang tên cho bà N1 là phù hợp

pháp luật được quy định tại các Điều 219, Điều 465, Điều 467 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 27, Điều 28 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 106 của Luật đất đai năm 2003.

[1.3]. Do ông T8 bị bệnh, không thể đi lại được, nên Công chứng viên Phòng công chứng số 2 tỉnh Đắk Nông đến nhà của ông T8, bà N1 để ông T8 điểm chỉ vào hợp đồng có sự chứng kiến của anh Nguyễn Quang T5 và chị Nguyễn Thị D1 (là con của ông T8, bà N1) đồng thời anh T5, chị D1 cũng ký vào hợp đồng với tư cách là người làm chứng là đảm bảo đúng theo quy định tại Điều 9; khoản 2 Điều 39 khoản 1, khoản 2 Điều 41 của Luật Công chứng năm 2006. Như vậy, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Xuân T8 và bà Trần Thị N1 đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật.

[1.4]. Sau khi hoàn tất thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất đứng tên bà Trần Thị N1, đến ngày 26/12/2012, bà N1 đã sử dụng tài sản này thế chấp cho Ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông thôn Việt Nam Chi nhánh huyện C, tỉnh Đắk Nông theo hợp đồng thế chấp số 245124129 đã được công chứng theo quy định của pháp luật để đảm bảo cho khoản vay 1.000.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng số 5300-LAV- 2012001507/HĐTD, mục đích vay kinh doanh nông sản, thời hạn trả nợ ngày 24/12/2013. Đến hạn trả nợ nhưng bà N1 vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, nên Ngân hàng đã khởi kiện bà N1 ra Tòa án nhân dân huyện C và được giải quyết bằng quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 04/2015/QĐST-KDTM, ngày 10/6/2015, theo quyết định thì bà N1 phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền 1.481.983.667đồng, đến hạn trả nợ nếu bà N1 không trả thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản ngày 26/12/2012. Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, bà N1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng đã làm đơn yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thi hành quyết định số 04/2015/QĐST-KDTM và xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ và được Chi cục Thi hành án dân sự huyện C thụ lý đơn và xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật. Đến ngày 05/4/2017, Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đắk Nông thông báo bán đấu giá thành công cho người trúng đấu giá là anh Hà Công T6 - Địa chỉ: Tổ dân phố 11, thị trấn E, huyện C với số tiền 1.586.000.000 đồng, nhưng đến nay vẫn chưa nhận được tài sản do các con của bà N1 có tranh chấp về quyền sở hữu tài sản. Như vậy, bà N1 dùng quyền sử dụng đất của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự với Ngân hàng được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 715 đến Điều 721 của Bộ luật dân sự năm 2005. Mặt khác, tại thông báo ý kiến vụ kiện và biên bản lấy lời khai ngày 24/8/2018 bà N1 đều có ý kiến không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của phía nguyê đơn, yêu cầu Toà án đình chỉ vụ án trả lại đơn khởi kiện (BL 60, 61, 91). Do đó, Chi cục Thi hành án dân sự huyện C xử lý tài sản thế chấp và uỷ quyền cho Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Đắk Nông để bán đấu giá là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Vì vây, Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó,

không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đồng nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quang T5, chị Nguyễn Thị D1.

[2]. Đối với yêu cầu kháng cáo cho rằng Toà án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thu thập, xác minh chứng cứ, không T5 tập người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để giải quyết toàn diện vụ án là không có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Quá trình giải quyết, nguyên đơn cho rằng thửa đất hiện đang tranh chấp được cấp cho hộ ông Nguyễn Xuân T8. Hội đồng xét xử xét thấy, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện C cấp cho ông Nguyễn Xuân T8, chứ không phải cấp cho hộ ông T8. Tuy nhiên, tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất; Tờ trình và Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều thể hiện cấp cho hộ ông Nguyễn Xuân T8 (BL 156-158), nhưng xét về nguồn gốc đất là do ông T8, bà N1 nhận chuyển nhượng của ông Đặng Quốc N2 vào năm 1993. Ngày 15/12/2000, ông Nguyễn Xuân T8 làm tờ khai xác định mốc thời gian sử dụng đất từ ngày 08/6/1993, nên không có căn cứ chứng minh quyền sử dụng đất là của hộ gia đình. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 28/12/2018, Uỷ ban nhân dân huyện C xác định về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Xuân T8 là đúng theo quy định của pháp luật. Ông T8 kê khai nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng năm 1993, nên việc cấp đất là đúng theo nguồn gốc sử dụng ông T8 đã kê khai (BL 655). Trường hợp các con của ông T8, bà N1 có căn cứ chứng minh có công sức đóng góp vào việc duy trì và phát triển tài sản của gia đình thì có quyền làm đơn yêu cầu bà N1 T8 toán tiền công sức đóng góp của mình bằng vụ án dân sự khác.

[4]. Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Quang T4 (Bà Trần Thị N1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh T4), anh Nguyễn Tiến D, anh Nguyễn Quang T3, anh Nguyễn Quang T5 và chị Nguyễn Thị D1. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Trần Thị N1 (là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh Nguyễn Quang T4), anh D, anh T3, anh T5 và chị D1 đều đã được Toà án T5 tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vắng mặt thì coi như từ bỏ việc kháng cáo. Căn cứ Điều 289, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Tiến D anh Nguyễn Quang T4 (Bà Trần Thị N1 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh T4), anh Nguyễn Quang T3, anh Nguyễn Quang T5 và chị Nguyễn Thị D1.

[5]. Toà án cấp sơ thẩm xác định Chi nhánh Ngân hàng phát triển nông thôn huyện C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chưa chính xác mà cần phải xác định Ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông thôn Việt Nam là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên, tài liệu trong hồ sơ thể hiện quyết định uỷ quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng Nông nghiệp phát triển Nông thôn Việt Nam uỷ quyền thường xuyên đến Chi nhánh thuộc Ngân hàng Agribank (BL 125), nên không ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án, nhưng cần nêu lên để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[6]. Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tại phiên toà là có căn cứ.

[7]. Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xét xét thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của đồng nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Quang T5, chị Nguyễn Thị D1 và anh Nguyễn Tiến D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên mỗi người kháng cáo phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 2, 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 157, Điều 164, điểm đ khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 289, khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 219, Điều 318, Điều 323, Điều 342, Điều 343, Điều 351, Điều 355, Điều 715, Điều 717, Điều 721, Điều 722, Điều 724, Điều 725, Điều 726 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27, Điều 28 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 106, Điều 107 Luật đất đai năm 2003; Điều 102 Luật Thi hành án dân sự; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu nộp án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Quang T4 (*người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của anh Nguyễn Quang T4 là bà Trần Thị N1)*, anh Nguyễn Tiến D, anh Nguyễn Quang Thái Ah Nguyễn Quang T5 và chị Nguyễn Thị D1.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Quang T, chị Nguyễn Thị L1, chị Nguyễn Thị Dạ L, chị Nguyễn Thị Hồng T2, anh Nguyễn Quang T1, anh Nguyễn Thái A, chị Nguyễn Thị Mỹ N.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 04/2019/DS-ST ngày 24/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đăk Nông.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn đối với bà Trần Thị N1 về việc yêu cầu bà N1 trả lại ½ căn nhà, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa đất số 338, tờ bản đồ số 8, diện tích 1.920m^2, tọa lạc tại: 111 H, tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn D, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đối với bà Trần Thị N1 về tranh chấp quyền sử dụng diện tích 500m^2 đất, thuộc thửa đất số 338, tờ bản đồ số 8, trong phần diện tích 1.920m^2, tọa lạc tại: 111 H, tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

3. Đình chỉ và trả lại đơn khởi kiện cho anh Nguyễn Tiến D về yêu cầu hủy một phần kết quả bán đấu giá tài sản.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc đồng nguyên đơn anh Nguyễn Quang T,chị Nguyễn Thị L1, chị Nguyễn Thị Dạ L, chị Nguyễn Thị Hồng T2, anh

Nguyễn Quang T3, anh Nguyễn Quang T1, bà Trần Thị N1 *(là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của anh Nguyễn Quang T4);* anh Nguyễn Thái A, chị Nguyễn Thị Mỹ N mỗi người phải nộp 4.605.500 đồng *(Bốn T5 sáu trăm linh năm nghìn năm trăm đồng)*. Được khấu trừ mỗi người 500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai lần lượt số: 0002788; 0002789; 0002790; 0002791; 0002792; 0002793; 0002794; 0002795; 0002796 cùng ngày 24/7/2018 và được khấu trừ số tiền 3.750.000 đồng *(Ba T5 bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* đồng nguyên đơn đã nộp theo biên lai số 0002892 ngày 10/12/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đăk Nông. Số tiền còn lại đồng nguyên đơn mỗi người còn phải nộp 3.689.000 đồng *(Ba T5 sáu trăm tám mươi chín nghìn đồng)*.

Buộc anh Nguyễn Tiến D phải nộp 30.632.300 đồng *(Ba mươi T5 sáu trăm ba mươi hai nghìn ba trăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 3.750.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002879 ngày 09/11/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đăk Nông. Số tiền còn lại anh D phải nộp là 26.882.300 đồng *(Hai mươi sáu T5 tám trăm tám mươi hai nghìn ba trăm đồng)*.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Tiến D 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (về yêu cầu huỷ một phần kết quả bản đấu giá tài sản) theo biên lai số 0002879 ngày 09/11/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đăk Nông.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc đồng nguyên đơn anh Nguyễn Quang T,chị Nguyễn Thị L1, chị Nguyễn Thị Dạ L, chị Nguyễn Thị Hồng T2, anh Nguyễn Quang T3, anh Nguyễn Quang T1, bà Trần Thị N1 *(là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của anh Nguyễn Quang T4);* anh Nguyễn Thái A, chị Nguyễn Thị Mỹ N phải chịu 1.500.000 đồng, được khấu trừ số tiền đồng nguyên đơn đã nộp tại Toà án nhân dân huyện C. Anh Nguyễn Tiến D phải chịu 1.500.000 đồng, được khấu trừ số tiền anh D đã nộp tại Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Đăk Nông.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc anh Nguyễn Quang T, chị Nguyễn Thị D1, chị Nguyễn Thị L1, chị Nguyễn Thị Dạ L, anh Nguyễn Quang T5, chị Nguyễn Thị Hồng T2, anh Nguyễn Quang T3, anh Nguyễn Quang T1, bà Trần Thị N1 *(là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của anh Nguyễn Quang T4),* anh Nguyễn Thái A, chị Nguyễn Thị Mỹ N mỗi người phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ số tiền 2.700.000 đồng *(Hai T5 bảy trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0000637 ngày 13/6/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đăk Nông.

Anh Nguyễn Tiến D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000638 ngày 13/6/2019, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đăk Nông.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký, đóng dấu)

Phạm Thị Thông